

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV HÓA CHẤT
CƠ BẢN MIỀN NAM**



Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.



**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**
Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP. HCM



**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**
Địa chỉ: 56-68 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. HCM

TP. Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2013

MỤC LỤC

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ	4
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	6
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	7
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	8
I. TỔNG QUAN.....	8
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp	8
2. Ngành nghề kinh doanh chính.....	8
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	9
4. Quá trình hình thành và phát triển.....	10
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý	12
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con.....	15
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	16
1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	16
2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	18
3. Thực trạng về tài chính và công nợ.....	21
4. Thực trạng về lao động.....	22
5. Những vấn đề đang tiếp tục xử lý	22
III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	22
1. Tình hình hoạt động kinh doanh	22
2. Vị thế của Công ty trong ngành	37
3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa	40
4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa	41
PHẦN V: PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	43
I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN	43
II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG.....	43
1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	43
2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến	44
3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty.....	45
4. Chiến lược phát triển sau cổ phần hóa	47
5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa.....	48

6. Biện pháp thực hiện.....	49
PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	51
III. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....	51
1. Đối tượng mua cổ phần.....	51
2. Phương thức chào bán.....	51
3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	52
IV. LOẠI CỔ PHẦN.....	53
V. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA	53
VI. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.....	53
1. Rủi ro về kinh tế.....	53
2. Rủi ro pháp lý.....	54
3. Rủi ro đặc thù	54
4. Rủi ro khác	55
VII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẮN CÔNG BỐ THÔNG TIN	56
VIII. CAM KẾT	58

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 243/QĐ-HCVN ngày 20/08/2012 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam;
- Quyết định số 262/QĐ-HCVN ngày 10/09/2012 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam;
- Quyết định số 297/QĐ-HCVN ngày 03/10/2012 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam;

- Quyết định số 2097/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- Quyết định số 160/QĐ-HCVN ngày 30/05/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam;
- Quyết định số 248/QĐ-HCVN ngày 29/07/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam thành công ty cổ phần.

**PHẦN II:
CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ
BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**

I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại : (08) 3821 7713 Fax: (08) 3821 7452
- Website : www.hsx.vn

II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN:

CÔNG TY TNHH MTV HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

- Trụ sở chính : 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại : (08) 3 829 6620 Fax: (08) 3 824 3166
- Website : www.sochemvn.com

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

- Trụ sở chính : 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại : (08) 3821 8666 Fax: (08) 3914 4372
- Website : www.dag.vn

PHẦN III:
CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	ĐỊNH NGHĨA
▪ Công ty	Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam
▪ HCCB	Tên viết tắt của Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam
▪ VAE	Tên viết tắt của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
▪ CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
▪ DT	Doanh thu
▪ GTDN	Giá trị doanh nghiệp
▪ HĐKD	Hoạt động kinh doanh
▪ LN	Lợi nhuận
▪ LNTT	Lợi nhuận trước thuế
▪ LNST	Lợi nhuận sau thuế
▪ QSDD	Quyền sử dụng đất
▪ XD CB	Xây dựng cơ bản

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- ❖ Tên công ty : **CÔNG TY TNHH MTV HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**
- ❖ Tên tiếng Anh : **SOUTH BASIC CHEMICALS LIMITED COMPANY**
- ❖ Tên viết tắt : **HCCB**
- ❖ Địa chỉ : Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- ❖ Điện thoại : (08) 3829.6620 Fax: (08) 3824.3166
- ❖ Mã số thuế : 0301446260
- ❖ Website : www.sochemvn.com



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/09/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 05/06/2012.
- Chủ sở hữu: Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

2. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/06/2012, các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của HCCB như sau:

- ❖ Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất; Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc);
- ❖ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất;

- ❖ Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác;
- ❖ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- ❖ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy;
- ❖ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
- ❖ Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- ❖ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn (chỉ làm văn phòng giao dịch, không kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- ❖ Sản xuất hóa chất cơ bản, chi tiết: Sản xuất sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất hóa chất tại Thành phố);
- ❖ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán vật tư, sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh); Mua bán nguyên liệu cao su thiên nhiên;
- ❖ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực-trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc);
- ❖ Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản (không chế biến tại trụ sở);
- ❖ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- ❖ Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Công ty TNHH MTV Hóa Chất Cơ bản miền Nam là đơn vị chuyên sản xuất và kinh doanh hóa chất vô cơ cơ bản với hơn 40 chủng loại sản phẩm. Xét về mặt giá trị sử dụng có thể chia ra thành 3 nhóm như sau:

- ❖ Nhóm hóa chất vô cơ cơ bản: Natri silicat các loại, Xút (NaOH) 20%-32%-45%-50%; Clor lỏng (Cl_2); Phốtpho vàng (P_4); Nhôm hydroxyt ($\text{Al}(\text{OH})_3$); Axít Phốtphoric (H_3PO_4); Axít Sunfuric (H_2SO_4) 50%-98%; Axít Clohydric (HCl) 20%-32%-35%.

- ❖ Nhóm hóa chất xử lý nước: Poly Aluminium Chloride-PAC 10%-17%; Phèn-Nhôm sunfat 7%-15%-17%; Javel-Natri Hypoclorit (NaOCl); dung dịch Sắt III Clorua (FeCl_3) 38%-45%...
- ❖ Nhóm các loại muối và hóa chất khác: Natri Phốtphát (Na_3PO_4); Natri Dihydrôphốtphát (NaH_2PO_4); Diammonium Phốtphát – DAP ($(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$); Monoammonium Phốtphát – MAP ($(\text{NH}_4)\text{H}_2\text{PO}_4$); Canxi Clorua (CaCl_2); Magie Sunphat (MgSO_4); Natri Silicate các loại...

4. Quá trình hình thành và phát triển

4.2 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo Quyết định số 240/HC của Tổng Cục Hoá Chất.

Tóm tắt những nét chính trong quá trình phát triển của Công ty như sau:

❖ Giai đoạn từ 1976-1985:

- Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất 6 đơn vị đóng trên nhiều địa bàn khác nhau. Do cơ sở vật chất ban đầu còn thiếu thốn, môi trường sản xuất kinh doanh bị trói buộc bởi cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, từ đó tính chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh không được phát huy, vai trò của tiến bộ khoa học kỹ thuật không được coi trọng, sức sản xuất bị kiềm hãm do đó năng suất chất lượng thấp, không có những bước phát triển đáng kể. Chủ yếu trong giai đoạn này là tập trung mọi nỗ lực để duy trì sản xuất ổn định nhằm phục vụ yêu cầu cấp bách của nền kinh tế theo những chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước.

❖ Giai đoạn từ 1986-1996:

- Ngày 13/02/1993 Bộ Công nghiệp nặng ra Quyết định số 64/CN Ng/TC về việc thành lập lại Công ty Hoá chất Cơ bản miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

- Đây là giai đoạn mà công cuộc đổi mới đất nước theo đường lối của Đảng, đất nước có nhiều khởi sắc tạo tiền đề cho sản xuất trong nước phát triển. Bước vào cơ chế thị trường dù còn nhiều khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý cấp trên cùng với sự cố gắng của Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty và các đơn vị trực thuộc nên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng đều đặn, thị trường ngày càng mở rộng. Việc đầu tư đổi mới công nghệ ở Công ty được triển khai, sản xuất đạt hiệu quả tương đối tốt, đời sống người lao động ngày càng được nâng cao. Mức tăng trưởng bình quân hàng năm của giai đoạn này là 10%/năm.

❖ Giai đoạn từ 1996-2006:

- Thực hiện chủ trương sắp xếp lại các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu, ngày 11/07/2003 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 138/2003/QĐ-TTg về việc chuyển

đổi Công ty Hoá chất Cơ bản miền Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam - nay là Tập đoàn Hoá chất Việt Nam.

- Trong cả giai đoạn này Công ty luôn giữ mức tăng trưởng khá trên các lĩnh vực, đã làm thay đổi vị thế của Công ty với tầm vóc khác hẳn so với giai đoạn trước. Cụ thể từ một doanh nghiệp Nhà nước hạng II, Công ty đã phấn đấu và được Chính phủ công nhận trở thành doanh nghiệp Nhà nước hạng I từ ngày 01/01/2001. Mức tăng trưởng bình quân trong giai đoạn này là 15%/năm.

❖ **Giai đoạn từ 2006 đến nay:**

- Đây là giai đoạn phát triển mạnh của Công ty: Đất nước bước vào giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, với những chủ trương đúng đắn. Trong giai đoạn này Công ty luôn giữ được mức tăng trưởng tốt, doanh thu, lợi nhuận, tiền lương và thu nhập của người lao động năm sau đều cao hơn năm trước liền kề. Việc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng công suất máy móc thiết bị được đặt lên hàng đầu. Đội ngũ cán bộ quản lý được trẻ hoá có đủ trình độ để thích ứng trước những cơ hội, thách thức và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Môi trường sản xuất luôn được quan tâm và ngày càng hoàn thiện. Điều kiện làm việc của CBCNV và người lao động ngày càng tốt hơn. Các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng ISO, quản lý môi trường OHSAS... đều được triển khai và hoàn thành trong giai đoạn này.

- Ngày 20/08/2012 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành Quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012.

4.3 Các thành tựu đạt được

- Huân chương lao động hạng ba năm 2000, phong tặng cho Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam;

- Huân chương lao động hạng ba năm 2002, phong tặng cho Nhà máy Hóa chất Tân Bình;

- Huân chương lao động hạng ba năm 2003, phong tặng cho Công đoàn Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam;

- Huân chương lao động hạng ba năm 2003, phong tặng cho Nhà máy Hóa chất Biên Hòa;

- Huân chương lao động hạng nhì năm 2004, phong tặng cho Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam;

- Huân chương lao động hạng ba năm 2004, phong tặng cho đồng chí Trịnh Minh Hồng (nguyên Giám đốc công ty);

- Cờ thi đua của Chính phủ về sản xuất kinh doanh dành cho Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam năm 2000, 2002, 2003;
- Bằng khen của Chính phủ về hoạt động sản xuất kinh doanh dành cho Nhà máy Hóa chất Biên Hòa năm 2003;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động sản xuất kinh doanh dành cho Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam năm 2006;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích xuất sắc dành cho đồng chí Hoàng Minh Đức (Giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên Hòa) và đồng chí Lê Phương Đông (Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình) năm 2003.

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Cơ cấu tổ chức của HCCB hiện nay gồm 08 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Phòng Nhân sự Hành chính, Phòng Kế toán Tài chính, Phòng An toàn và Môi trường, Phòng Công nghệ Thiết bị, Phòng Xây dựng, Phòng Dự án, Phòng Điện – Đo lường - Điều khiển.

HCCB có văn phòng Công ty đặt tại TP.HCM, 01 chi nhánh, 03 Nhà máy, 01 Mỏ Bô xít ở Bảo Lộc, 01 công ty con và hệ thống kho bồn chứa hóa chất đặt tại Cảng Gò Dầu A - huyện Long Thành - Tỉnh Đồng Nai, chi tiết như sau:

Văn phòng Công ty

- Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: (84.8) 38223484
- Fax: (84.8) 38243166

Chi nhánh Công ty

- Địa chỉ: 46/6 Phan Huy Ích, P.15, Q.Tân Bình, TP.HCM
- Điện thoại: (84.08) 38153185 - 38153990
- Fax: (84.08) 38153936
- Sản phẩm chính: Hydroxyt nhôm

Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2

- Địa chỉ: Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- Điện thoại: (84.061) 8826527
- Fax: (84.061) 8826530
- Sản phẩm chính:
 - Axít Sunfuric kỹ thuật

- Phèn Nhôm sunfat: 17% Al_2O_3 và 15% Al_2O_3
- Phèn Nhôm Amôn (hoặc Kali) sunfat

Nhà máy Hóa chất Biên Hòa

- Địa chỉ: Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- Điện thoại: (84.061) 3836143 – 3836043
- Fax: (84.061) 3836326
- Sản phẩm chính:
 - Natri Hydroxyt (cấp kỹ thuật; cấp thực phẩm);
 - Axít Clohydric (cấp kỹ thuật; cấp thực phẩm);
 - Clo lỏng;
 - Natri Silicat các loại;
 - Dung dịch Sắt III Clorua;
 - P.A.C;
 - Axít sunfuric tinh khiết;
 - Dung dịch nước tẩy Natri Hypocloric (Javen) (cấp kỹ thuật; cấp thực phẩm);
 - Muối Natri Clorua các loại ...

Nhà máy Hóa chất Đồng Nai

- Địa chỉ: Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- Điện thoại: (84.061) 3836197
- Fax: (84.061) 3836198
- Sản phẩm chính:
 - Axít Photphoric (cấp kỹ thuật; cấp thực phẩm);
 - Kali Clorua tinh chế;
 - Canxi Clorua;
 - Dung dịch Amoniac;
 - M.A.P (mono amon photphat);
 - M.K.P (mono kali photphat);
 - D.A.P (di amon photphat);
 - Natri Photphat;
 - Natri hydrophotphat;

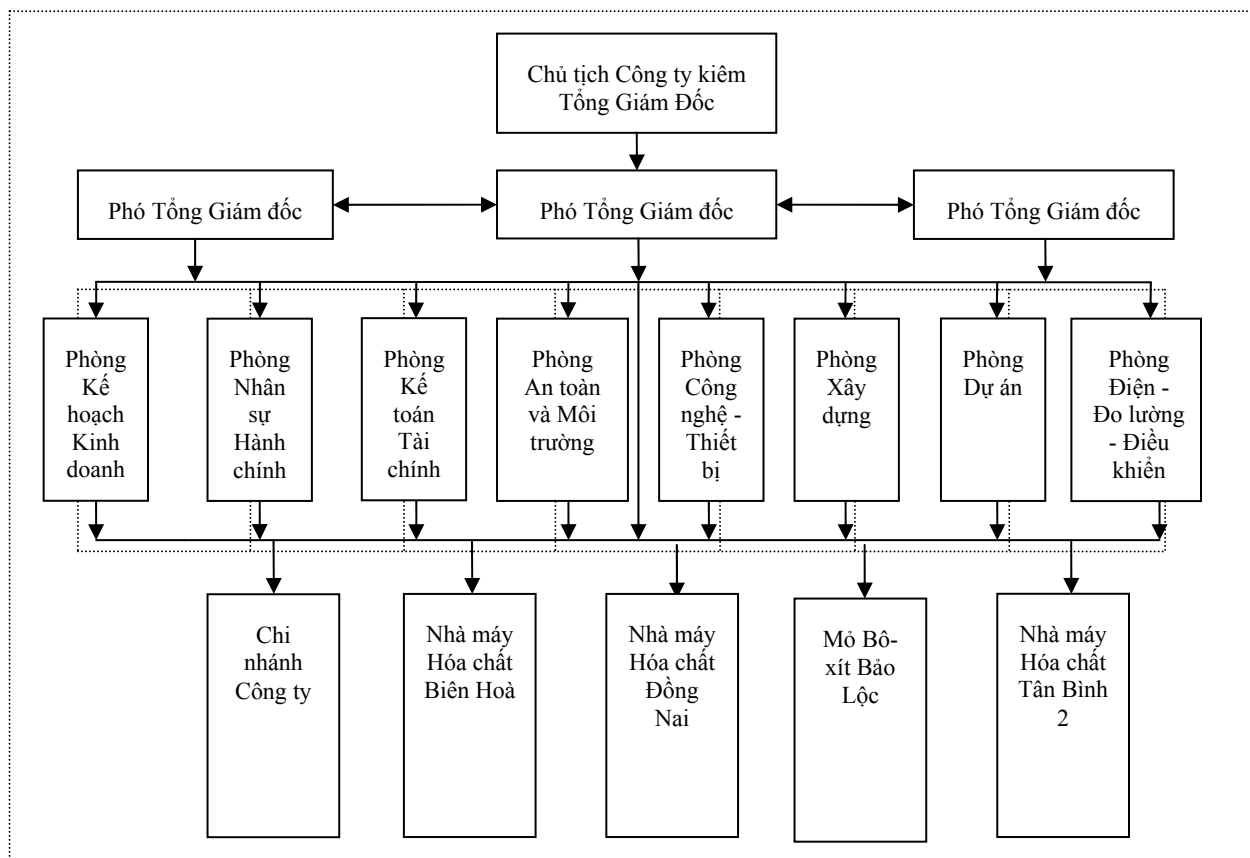
Mỏ Bauxit Bảo Lộc

- Địa chỉ: 62 Lý Thường Kiệt, Bảo Lộc, Lâm Đồng
- Điện thoại: (84.063) 3864394 – 3866950
- Fax: (84.063) 3864395
- Sản phẩm chính: Quặng Bauxite

Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam

- Địa chỉ: Cụm Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: (84.020) 3863488 - 3863161
- Fax: (84.020) 3863037
- Sản phẩm chính: Photpho vàng

Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa



Ghi chú:

- Chỉ đạo trực tiếp —————→
 Chỉ đạo gián tiếp→
 Phối hợp <----->

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con

6.2 Công ty mẹ

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

- Địa chỉ: Số 1A Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3824 0551 Fax: (04) 3825 2995
- Vốn điều lệ: 8.000.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn: 100% vốn Nhà nước

6.3 Công ty con

Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam

- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: (84.020) 3863488 - 3863161 Fax: (84.020) 3863037

- Vốn điều lệ: 25.203.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của HCCB: 65,05%

6.4 Công ty liên doanh liên kết

Không có.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa**

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-HCVN ngày 30/05/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc phê duyệt xác định giá trị Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam để cổ phần hóa:

- Giá trị doanh nghiệp thực tế của Công ty TNHH một thành viên Hóa chất cơ bản miền Nam tại thời điểm 0 giờ ngày 01/10/2012 để cổ phần hoá là **964.082.178.530 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi bốn tỷ không trăm tám mươi hai triệu một trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm ba mươi đồng).
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH một thành viên Hóa chất cơ bản miền Nam tại thời điểm 0 giờ ngày 01/10/2012 để cổ phần hoá là: **441.901.508.274 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi một tỷ chín trăm lẻ một triệu năm trăm lẻ tám ngàn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của HCCB tại thời điểm 30/09/2012 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	(4)=(3)-(2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	825.349.831.954	964.082.178.530	138.732.346.576
I. Tài sản dài hạn	360.467.958.055	457.098.882.947	96.630.924.892
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2. Tài sản cố định	321.859.791.107	394.347.983.133	72.488.192.026
a. Tài sản cố định hữu hình	310.203.611.199	382.691.803.225	72.488.192.026
b. Tài sản cố định vô hình	878.262.494	878.262.494	-
c. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
d. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.777.917.414	10.777.917.414	-
3. Bất động sản đầu tư	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.393.950.000	40.106.111.972	23.712.161.972
5. Tài sản dài hạn khác	22.214.216.948	22.644.787.842	430.570.894
II. Tài sản ngắn hạn	464.881.873.899	464.894.765.947	12.892.047
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	116.270.387.935	116.270.387.935	-
a. Tiền	105.535.122.935	105.535.122.935	-
b. Các khoản tương đương tiền	10.735.265.000	10.735.265.000	-
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	100.090.643.062	100.103.535.109	12.892.047
4. Hàng tồn kho	227.522.142.048	227.522.142.048	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	20.998.700.854	20.998.700.854	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	42.088.529.637	42.088.529.637
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	-	-	-
I. Tài sản dài hạn	-	-	-
II. Tài sản ngắn hạn	-	-	-
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	-	-	-
2. Vật tư hàng hóa không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
I. Tài sản dài hạn	-	-	-
1. Tài sản cố định:	-	-	-
- Nguyên giá	2.607.086.091	2.607.086.091	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.607.086.091)	(2.607.086.091)	-
II. Tài sản ngắn hạn	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D) Trong đó:	825.349.831.954	964.082.178.530	138.732.346.576
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ	825.349.831.954	964.082.178.530	138.732.346.576

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
DOANH NGHIỆP (Mục A)			
E1. Nợ thực tế phải trả Trong đó:	522.223.077.666	522.180.670.257	(42.407.409)
Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	303.126.754.288	441.901.508.274	138.774.753.986

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của HCCB

2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

Tình hình tài sản cố định của HCCB theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm kết thúc ngày 30/09/2012 thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	704.061	393.858	310.203
- Nhà cửa, vật kiến trúc	119.109	51.195	67.914
- Máy móc thiết bị	554.774	325.746	229.028
<i>Tài sản cần dùng</i>	<i>552.893</i>	<i>323.865</i>	
<i>Tài sản chờ thanh lý</i>	<i>1.881</i>	<i>1.881</i>	
- Phương tiện vận tải	15.155	8.807	6.348
<i>Tài sản cần dùng</i>	<i>14.810</i>	<i>8.462</i>	
<i>Tài sản chờ thanh lý</i>	<i>345</i>	<i>345</i>	
- Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác	15.023	8.110	6.913
<i>Tài sản cần dùng</i>	<i>14.641</i>	<i>7.728</i>	
<i>Tài sản chờ thanh lý</i>	<i>382</i>	<i>382</i>	
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	1.328	449	878
Chi phí xây dựng cơ bản dở đang	10.778	-	10.778

- **Nhà cửa, vật kiến trúc:** Chủ yếu là văn phòng làm việc, nhà xưởng sản xuất, các kho chứa vật tư, thành phẩm và bồn chứa sản phẩm dạng lỏng của Công ty.
- **Máy móc thiết bị:** Chủ yếu là các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thiết bị quản lý chủ yếu phục vụ cho công tác văn phòng.
- **Phương tiện vận tải:** Bao gồm các xe ô tô con, xe phục vụ đưa rước CBCNV và phương tiện xe tải phục vụ cho sản xuất.

Diện tích các khu đất HCCB hiện đang quản lý, sử dụng như sau:

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²) (*)	Quyền sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đến (**)	Mục đích sử dụng
1	95 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. HCM	25.654	Đất thuê của Nhà nước	01/01/2046	Đất phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty
2	139 (số cũ 46/6) Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM	11.398	Đất thuê của Nhà nước	31/12/2006	Chi nhánh Công ty
3	1/180 A1 Khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Tp. HCM	5.845	Đất thuê của Nhà nước	01/01/2046	Kho trung chuyển
4	Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	148,5	Đất thuê của Nhà nước	15/10/2043	Nhà khách
5	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	52.474	Đất thuê lại của Công ty Phát triển KCN Biên Hòa	12/04/2051	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
6	Đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	10.358	Đất thuê lại của Công ty Phát triển KCN Biên Hòa	12/04/2051	Nhà máy Hóa chất Đồng Nai
7	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	19.476,9	Đất thuê lại của Công ty Phát triển KCN Biên Hòa	12/04/2051	Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2
8	Phường Lộc Phát, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	235.237	Đất thuê của Nhà nước	16/12/2018	Đất dùng cho hoạt động khoáng sản (khu khai thác, xây

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²) (*)	Quyền sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đến (**)	Mục đích sử dụng
9	Phường Lộc Phát, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	378.713	Đất thuê của Nhà nước	20/12/2054	dựng nhà máy hydroxyt nhôm và các công trình phụ trợ)
10	Phường Lộc Phát, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	43.706	Đất thuê của Nhà nước	31/12/2054	
11	Phường Lộc Phát, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	29.423	Đất đã đền bù giải tỏa, đang làm thủ tục thuê đất và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ		Đất dùng cho hoạt động khoáng sản (khu khai thác, xây dựng nhà máy hydroxyt nhôm và các công trình phụ trợ
12	62 Lý Thường Kiệt, phường 1, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	18.416	Đất thuê của Nhà nước	01/01/2021	Văn phòng Xi nghiệp mỏ Bảo Lộc
13	Khu 5B, phường 1, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	1.023	Đất thuê của Nhà nước	01/01/2038	Nhà khách

Ghi chú: (*) Diện tích đất căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

(**) Thời gian sử dụng căn cứ vào Hợp đồng thuê đất.

Một số điểm lưu ý về tình hình sử dụng các lô đất của HCCB:

➤ Về phương án sử dụng đất:

Trước khi thực hiện việc xây dựng Phương án cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam đã có văn bản gửi UBND TP. Hồ Chí Minh, UBND tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Lâm Đồng xin ý kiến về phương án sử dụng đất khi chuyển thành Công ty cổ phần cho các khu đất Công ty đang quản lý và sử dụng. Tuy nhiên, đến nay Công ty chỉ nhận được văn bản trả lời của UBND tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Lâm Đồng (tháng 03/2013), riêng UBND TP. Hồ Chí Minh chưa có văn bản trả lời chính thức do phải chờ ý kiến của Thường trực Ban Chỉ đạo 09 (Cục Quản lý Công Sản - Bộ Tài Chính). Do đó, mục đích sử dụng các lô đất của HCCB trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh có thể thay đổi khi Công ty nhận được ý kiến trả lời chính thức của UBND TP. Hồ Chí Minh.

➤ Lô đất tại địa chỉ 46/6 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, Tp.HCM

Căn cứ văn bản số 4081/UBND-TM ngày 28/06/2008 của UBND TP. Hồ Chí Minh về phương án xử lý tổng thể nhà đất của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam – nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đang quản lý và sử dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/08/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án sử dụng nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, theo đó một phần lô đất số 46/6 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình (khoảng 50% diện tích đất) Công ty được tiếp tục sử dụng để làm văn phòng làm việc và phần diện tích còn lại sẽ bàn giao lại cho Thành phố để làm công viên cây xanh theo quy hoạch chung.

Hợp đồng thuê đất số 2752/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 06/04/2006 đã hết hiệu lực kể từ ngày 31/12/2006, vì lý do một phần diện tích nằm trong khu quy hoạch nên hiện nay Sở Tài Nguyên và Môi trường không tái ký hợp đồng mới mà hàng năm Công ty chỉ thực hiện trả tiền thuê đất theo “Thông báo nộp tiền thuê đất tạm thu” của Chi cục Thuế quận Tân Bình chứ không có hợp đồng thuê đất dài hạn.

➤ **03 lô đất nằm trong KCN Biên Hòa I**

HCCB đang chủ động tìm kiếm các địa điểm phù hợp để thực hiện việc di dời 03 nhà máy đang hoạt động tại KCN Biên Hòa I bao gồm Nhà máy Hóa Chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 ra khỏi Khu công nghiệp trong giai đoạn từ năm 2015 đến sau năm 2022.

3. Thực trạng về tài chính và công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của HCCB theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm kết thúc ngày 30/09/2012 như sau:

❖ Vốn chủ sở hữu:	303.126.754.288 đồng
<i>Trong đó:</i>	
▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	245.360.686.845 đồng
▪ Quỹ đầu tư phát triển:	19.102.425.525 đồng
▪ Quỹ dự phòng tài chính:	35.905.254.799 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	0 đồng
▪ Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản:	2.758.387.119 đồng
❖ Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	27.864.543.806 đồng
❖ Các khoản phải thu:	100.090.643.062 đồng
▪ Phải thu ngắn hạn:	100.090.643.062 đồng
▪ Phải thu dài hạn:	0 đồng
❖ Nợ phải trả:	522.223.077.666 đồng

- Nợ ngắn hạn: 436.039.020.318 đồng
- Nợ dài hạn: 86.184.057.348 đồng

4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm ngày 30/05/2013 (thời điểm Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công bố Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của HCCB), tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của HCCB là 787 người, trong đó cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	787	100%
- Trên đại học	02	0,25%
- Trình độ đại học	175	22,24%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	138	17,53%
- Trình độ khác	472	59,97%
Phân theo loại hợp đồng lao động	787	100%
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	02	0,25%
- Hợp đồng không thời hạn	639	81,19%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	87	11,05%
- Hợp đồng thời vụ	59	7,50%
Phân theo giới tính	787	100%
- Nam	625	79,42%
- Nữ	162	20,58%

5. Những vấn đề đang tiếp tục xử lý

- Với những khu đất hiện đang quản lý và sử dụng, HCCB sẽ tiến hành các thủ tục để tiếp tục ký hợp đồng thuê đất dưới hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- Tìm kiếm khu đất có vị trí phù hợp để thực hiện di dời Nhà máy Hóa Chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 (đang đặt tại KCN Biên Hòa I) nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

1.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm 03 năm trước cổ phần hóa:

STT	Mặt hàng	Năm 2010			Năm 2011			Năm 2012		
		Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỉ lệ trên doanh thu	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỉ lệ trên doanh thu	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỉ lệ trên doanh thu
A. Nhóm hóa chất cơ bản			718.449	78,32%		789.260	66,47%		793.005	69,54%
1	Xút (NaOH) quy về 32%	59.293	158.595	17,29%	66.594	197.721	16,65%	60.098	204.242	17,91%
2	Axit Clohydric (HCl) 32%	50.837	107.144	11,68%	54.260	132.005	11,12%	47.562	100.994	8,86%
3	Clo lỏng (Cl2)	3.827	39.958	4,36%	4.147	48.429	4,08%	4.032	51.477	4,51%
4	Silicate	28.042	60.161	6,56%	24.998	66.763	5,62%	23.562	72.683	6,37%
5	Javel	11.046	23.774	2,59%	11.565	25.293	2,13%	12.814	29.990	2,63%
6	P.A.C	12.215	30.078	3,28%	14.795	39.714	3,34%	15.816	44.707	3,92%
7	Axit Sunfuric (H2SO4) 98%	40.058	83.645	9,12%	42.781	120.087	10,11%	42.797	139.778	12,26%
8	Phèn đơn	17.043	50.509	5,51%	13.220	53.818	4,53%	9.918	47.879	4,20%
9	Hydroxit Nhôm (Al(OH)3)	2.751	16.048	1,75%	2.959	20.070	1,69%	8.382	55.445	4,86%
10	Axit Photphoric (H3PO4)	4.111	73.368	8,00%	4.061	85.359	7,19%	1.844	45.810	4,02%
11	Phốt pho vàng (P4)	1.718	75.170	8,19%	-	-	0,00%	-	-	0,00%

STT	Mặt hàng	Năm 2010			Năm 2011			Năm 2012		
		Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỉ lệ trên doanh thu	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỉ lệ trên doanh thu	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỉ lệ trên doanh thu
B. Nhóm hóa chất cơ bản khác			77.249	8,42%		114.955	9,68%		107.267	9,41%
12	Sắt III Clorua (FeCl ₃)	2.960	8.463	0,92%	2.527	7.090	0,60%	2.492	6.849	0,60%
13	Sản phẩm gốc photphát	1.079	22.349	2,44%	1.326	30.097	2,53%	1.193	29.924	2,62%
14	NH ₄ OH	326	2.060	0,22%	273	1.821	0,15%	579	4.595	0,40%
15	Muối NaCl các loại	14.218	26.328	2,87%	20.026	55.431	4,67%	14.296	42.262	3,71%
16	Khác	-	18.047	1,97%	-	20.515	1,73%	-	23.637	2,07%
C. Kinh doanh khác			121.609	13,26%		283.173	23,85%		240.165	21,06%
17	H ₂ SO ₄ kinh doanh	10.772	27.695	3,02%	48.937	137.856	11,61%	66.416	174.780	15,33%
18	P ₄	101	5.854	0,64%	72	4.356	0,37%	346	25.154	2,21%
19	Khác	-	88.060	9,60%	-	140.961	11,87%	-	40.232	3,53%
TỔNG CỘNG			917.306	100%		1.187.388	100%		1.140.437	100%

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm 03 năm trước cổ phần hóa:

STT	Mặt hàng	Năm 2010			Năm 2011			Năm 2012		
		Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
A.Nhóm hóa chất cơ bản chủ yếu		230.941	44.087	80,81%	239.380	22.671	47,96%	226.825	39.919	52,85%
1	Xút (NaOH) quy về 32%	59.293	40.617	74,45%	66.594	34.134	71,20%	60.098	39.044	51,69%
2	Axít clohydric (HCl)	50.837	14.027	25,71%	54.260	7.177	15,06%	47.562	(3.892)	-5,15%
3	Clo lỏng (Cl ₂)	3.827	3.464	6,35%	4.147	879	1,88%	4.032	4.203	5,56%
4	Silicate	28.042	14.875	27,27%	24.998	13.448	28,04%	23.562	15.249	20,19%
5	Javel	11.046	6.064	11,11%	11.565	4.884	10,18%	12.814	5.217	6,91%
6	P.A.C	12.215	(5.326)	-9,76%	14.795	(3.397)	-7,02%	15.816	(895)	-1,19%
7	Axít Sunfuric (H ₂ SO ₄) 98%	40.058	(15.793)	-28,95%	42.781	(10.381)	-21,47%	42.797	(12.197)	-16,15%
8	Phèn đơn	17.043	(16.852)	-30,89%	13.220	(16.796)	-34,88%	9.918	(4.036)	-5,34%
9	Hydroxyt Nhôm (Al(OH) ₃)	2.751	(6.514)	-11,94%	2.959	(3.236)	-6,71%	8.382	(4.282)	-5,67%
10	Axít Photphoric (H ₃ PO ₄)	4.111	7.107	13,03%	4.061	(4.041)	-8,32%	1.844	1.508	2,00%
11	Phốt pho vàng (P ₄)	1.718	2.418	4,43%	-	-	0,00%	-	-	0,00%
B. Nhóm Hóa chất Cơ bản khác		69.188	2.498	4,59%	41.637	(4.016)	-8,24%	21.311	(8.261)	-10,94%
12	Sắt III Clorua (FeCl ₃)	2.960	1.989	3,65%	2.527	1.736	3,62%	2.492	417	0,55%
13	Sản phẩm gốc phốt phát	1.079	(334)	-0,61%	1.326	(3.059)	-6,33%	1.193	(4.140)	-5,48%

STT	Mặt hàng	Năm 2010			Năm 2011			Năm 2012		
		Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
14	NH ₄ OH	326	398	0,73%	273	275	0,57%	579	772	1,02%
15	Muối NaCl các loại	14.218	(1.192)	-2,18%	20.026	(4.420)	-9,14%	14.296	(5.553)	-7,35%
16	Sản phẩm HCCB Khác	50.605	1.637	3,00%	17.485	1.452	3,04%	2.751	243	0,32%
C. Kinh doanh khác			7.970	14,61%		28,839	60,28%	66,762	43,876	58,11%
17	H ₂ SO ₄ KD	10.772	5.156	9,45%	48.937	8.317	17,44%	66.416	19.219	25,47%
18	Phốt pho vàng (P ₄) KD	101	(213)	-0,39%	72	155	0,33%	346	1.955	2,59%
19	Sản phẩm & dịch vụ KD khác	-	3.027	5,55%		20.367	42,51%		22.702	30,05%
Tổng cộng			54.555	100%		47.494	100%		75.534	100%

Doanh thu của HCCB có sự tăng trưởng qua các năm. Doanh thu chủ yếu của Công ty là từ nhóm hóa chất cơ bản chủ yếu như Xút (NaOH) quy về 32%, Axit Clohydric (HCl) 32%, Clo lỏng (Cl_2), Silicate, Javel, P.A.C, Axit Sunfuric (H_2SO_4) 98%, Phèn đơn, Hydroxit Nhôm ($\text{Al}(\text{OH})_3$), Axit Photphoric (H_3PO_4), Phốt pho vàng (P_4). Đây là nhóm sản phẩm đóng góp doanh thu cao nhất cho HCCB các năm 2010, 2011, 2012 với tỷ trọng lần lượt là 78,32%; 66,47%; 69,54%. Đồng thời, năm 2011, 2012 cũng là năm thuận lợi cho hoạt động kinh doanh thương mại các loại hóa chất H_2SO_4 , P_4 ..., do đó, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động này cũng tăng từ 13,26% năm 2010 lên 23,85% năm 2011 và 21,06% năm 2012.

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp của HCCB, nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu và kinh doanh sản phẩm khác là hai lĩnh vực mang lại lợi nhuận cho Công ty. Trong năm 2012 do kiểm soát được chi phí đồng thời có những yếu tố thuận lợi về mặt phân phối sản phẩm ra thị trường nên lợi nhuận gộp của HCCB tăng cao hơn so với năm 2011.

1.2 Nguyên vật liệu, năng lượng

▪ Nguồn nguyên vật liệu, năng lượng:

Nguyên vật liệu, năng lượng đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh của HCCB. Nguyên vật liệu, năng lượng chính dùng cho sản xuất của HCCB bao gồm: Muối công nghiệp (NaCl), Cát trắng, Lưu huỳnh (S), Phốt pho vàng (P_4), Quặng bô xít, $\text{BaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$, điện.... Trong đó Cát trắng, Phốt pho vàng, Quặng Bô xít là những nguyên liệu trong nước sẵn có không phải nhập khẩu, 12% muối công nghiệp được mua từ các doanh nghiệp trong nước, 88% còn lại nhập khẩu từ nước ngoài. Riêng với lưu huỳnh và $\text{BaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ Công ty nhập khẩu toàn bộ. Vì vậy giá của nguyên liệu này chịu tác động của tỷ giá cũng như biến động giá trên thị trường thế giới. Lưu huỳnh là nguyên liệu quan trọng trong quá trình sản xuất axit sunfuric (H_2SO_4), giá nguyên liệu này thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành axit sunfuric. Do đó, Công ty luôn đảm bảo thực hiện tốt các khâu lập kế hoạch mua sắm nguyên liệu, đảm bảo đủ nguyên liệu cho dự trữ và sản xuất, kiểm soát giá thành của sản phẩm.

STT	Tên nguyên liệu chính	Nhà cung cấp	Nước sản xuất	Số lượng tấn/năm	Tỷ trọng
1	Muối công nghiệp nhập khẩu	- Jakhau Salt Co., Pvt Ltd	India	75.000 40.000	53%
		- Friend Salt and Allies Co., Ltd	India	15.000	20%
		- Dampier Salt Co., Ltd	Australia	20.000	27%
2	Muối trong nước	- DN Văn Kiệt và DN Phú Tấn (Bạc Liêu)	Việt Nam	10.000 6.000	60%

STT	Tên nguyên liệu chính	Nhà cung cấp	Nước sản xuất	Số lượng tấn/năm	Tỷ trọng
		- Công ty Muối Khánh Tường (Ninh Thuận)	Việt Nam	4.000	40%
3	Cát trắng	- Công ty Ý Thiên Hân (Đồng Nai)	Việt Nam	8.000	100%
4	Lưu huỳnh	- Standard Chemical Corporation	Singapore	20.000 4.000	20%
		- Swiss Singapore Oversea Enterprise Pte Ltd	Russia/ Singapore	6.000	30%
		- Cát Vũ Co., Ltd	Singapore	4.000	20%
		-Young Inh Corporation	Russia	1.000	5%
		- Kim Tar Co., Ltd	Turkey	1.000	5%
		-Suneast Corporation	Singapore	4.000	20%
5	BaCl ₂ .2H ₂ O	- Hong Chang Tai Industry Ltd	China	600	100%
6	Phốt pho vàng	- Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam	Việt Nam	2.000 1.500	75%
		- Công ty Victory	Việt Nam	500	25%
7	Quặng bô-xít	- Xí nghiệp khai thác Bô-xít Bảo Lộc thuộc Công ty HCCB miền Nam	Việt Nam	30.000	100%
8	Điện (Kwh/năm)	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Việt Nam	180.000.000	100%

Nguồn: HCCB

▪ **Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu, năng lượng:**

Đối với các nguyên liệu được khai thác và chế biến trong nước, HCCB ký hợp đồng mua nguyên liệu từ các nhà cung cấp trong nước có uy tín vì những nguyên liệu này sẵn có. Các nhà cung cấp luôn đảm bảo cung cấp đủ số lượng và đúng chất lượng theo yêu cầu của HCCB. Bên cạnh đó, HCCB có lợi thế là có công ty con và xí nghiệp trực thuộc sản xuất phốt pho và khai thác bô xít nên cũng thuận lợi cho Công ty trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu này.

Đối với những nguyên liệu mà trong nước không đáp ứng được theo yêu cầu của công nghệ cũng như không sản xuất được như Muối công nghiệp sử dụng để sản

xuất các sản phẩm Xút-clo; Lưu huỳnh sử dụng để sản xuất Axít Sunfuric (H_2SO_4), HCCB phải nhập khẩu từ nước ngoài qua những nhà cung cấp có uy tín. Nguồn hàng chủ yếu được nhập từ Ấn Độ, Úc, Trung Đông, Thổ Nhĩ Kỳ, Nga, Singapore...

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành sản phẩm Công ty sản xuất. Cụ thể, muối công nghiệp dùng để sản xuất các sản phẩm xút-clo; lưu huỳnh dùng để sản xuất Axít Sunfuric chiếm đến 30% giá thành sản phẩm; riêng phốt pho chiếm đến 70% giá thành sản phẩm axít photphoric. Đặc thù sản xuất của HCCB là sản phẩm của nhà máy này lại là nguyên liệu đầu vào của nhà máy khác trong cùng Công ty, vì vậy khi có sự biến động về giá cả và tính ổn định của nguồn cung trên thế giới cũng như trong nước đối với các loại nguyên vật liệu chính mà HCCB sử dụng đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó do đặc thù sản xuất các sản phẩm Xút-clo, tỉ trọng chi phí điện năng dùng trong khâu điện phân rất lớn, chiếm tới 40% giá thành sản phẩm do đó khi Nhà nước có sự điều chỉnh tăng giá điện cũng sẽ ảnh hưởng rất lớn đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Do vậy nhằm đảm bảo cho hoạt động bình thường của Công ty khi có sự đột biến trong ngắn hạn về nguồn nguyên liệu, đặc biệt là đối với những nguyên liệu nhập khẩu, HCCB luôn phải có kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu ít nhất là 3 tháng và lưu trữ tại kho của các nhà máy trực thuộc.

▪ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu, năng lượng tới doanh thu, lợi nhuận:**

Tỷ trọng giá vốn hàng bán của HCCB trong những năm qua là khá lớn, chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu và điện năng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm do cơ cấu giá thành sản phẩm chiếm tỷ trọng chủ yếu là nguyên liệu đầu vào và điện năng từ đó tác động đến doanh thu và lợi nhuận của HCCB.

1.3 Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của HCCB 03 năm trước cổ phần hóa như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	761.236	83,37%	991.919	84,86%	925.590	83,35%
Chi phí tài chính	39.822	4,36%	63.819	5,46%	45.537	4,10%
Chi phí bán hàng	38.092	4,17%	49.227	4,21%	37.246	3,35%

Khoản mục	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.296	2,55%	34.493	2,95%	46.145	4,16%
Chi phí khác	305	0,03%	438	0,04%	10.385	0,94%
Tổng cộng	862.751	94,49%	1.139.895	97,52%	1.064.903	95,89%

Nguồn: BCTC riêng năm 2010, 2011, 2012 đã kiểm toán của HCCB

1.4 Trình độ công nghệ

Nhằm đầu tư nâng cao hiệu quả sản xuất, đi đôi với việc mở rộng sản xuất, tăng sản lượng các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường và đầu tư sản xuất sản phẩm mới, Công ty luôn chú trọng và mạnh dạn đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến, sử dụng thiết bị hiện đại nhằm mục tiêu tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, ổn định, mức độ tiêu hao nguyên nhiên liệu thấp hơn, giảm thiểu chất thải ra môi trường, an toàn cho người sản xuất và người sử dụng sản phẩm.

Trình độ công nghệ của một số dây chuyền sản xuất của Công ty như sau:

TT	Tên dây chuyền	Xuất xứ	Trình độ công nghệ	Công suất
1	Dây chuyền sản xuất xút và khí Clo	G7	Tiên tiến	30.000 tấn/năm (quy về xút 100%)
2	Dây chuyền sản xuất axit HCl	G7	Tiên tiến	120.000 tấn/năm (axit HCl 32%)
3	Dây chuyền sản xuất Clo lỏng	G7	Tiên tiến	8.400 tấn/năm
4	Dây chuyền sản xuất Keo Natri Silicate	Việt Nam – G7	Khá	30.000 tấn/năm
5	Dây chuyền sản xuất PAC	Trung Quốc	Khá	20.000 tấn/năm (qui về loại 10% Al ₂ O ₃)
6	Dây chuyền sản xuất hydroxyt nhôm	Việt Nam, Úc, Nhật Bản	Trung bình	20.000 tấn/năm
7	Dây chuyền sản xuất axit sunfuric	USA, G7	Tiên tiến	60.000 tấn/năm
8	Dây chuyền sản xuất axit sunfuric tinh khiết	Trung Quốc	Tiên tiến	2.000 tấn/năm
9	Dây chuyền sản xuất axit photphoric	Trung Quốc	Khá	7.000 tấn/năm

TT	Tên dây chuyền	Xuất xứ	Trình độ công nghệ	Công suất
10	Dây chuyền sản xuất axit photphoric thực phẩm	Việt Nam	Khá	3.000 tấn/năm

Nguồn: HCCB

1.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty chú trọng. Tuy nhiên, do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh các sản phẩm hoá chất cơ bản mang tính nguy hiểm, độc hại, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao nên các địa phương hầu như hoàn toàn không chấp nhận cấp phép đầu tư mở rộng và đầu tư mới. Đa số sản phẩm ở dạng lỏng nên vấn đề kho chứa, vận chuyển, bảo quản rất nghiêm ngặt và chi phí cao. Vì vậy, vấn đề phát triển sản phẩm mới cũng nằm ở mức hạn chế, chủ yếu Công ty tập trung vào việc nâng cấp chất lượng sản phẩm, nghiên cứu nâng cao hiệu quả sản xuất bằng nhiều hình thức như tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, cơ khí hoá một số công đoạn để tiết kiệm chi phí nhân công, tăng cường ứng dụng tự động hoá vào các dây chuyền sản xuất, tăng cường thiết bị giám sát thông số hoạt động dây chuyền. Công tác cải tiến mẫu mã, chất lượng dịch vụ luôn được Công ty chú trọng. Vừa qua, Công ty đã triển khai phát triển được một số sản phẩm mới như axit sunfuric tinh khiết, muối ăn chế biến các loại và hóa chất xử lý nước thải PAFC (Poly aluminium ferrie chloride).

1.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm /dịch vụ

Công ty có phòng hóa nghiệm đạt tiêu chuẩn VLAS đạt tiêu chuẩn quốc gia. Công ty thực hiện việc quản lý chất lượng theo quy trình của hệ thống quản lý tích hợp PAS 99:2006 gồm các hệ thống ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OHSAS 18001:2007 (đánh giá chứng nhận năm 2010, hiệu lực đến tháng 09/2013) và hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2005 (đánh giá tái chứng nhận tháng 02/2013). Cụ thể việc quản lý chất lượng sản phẩm tại Công ty như sau:

- Sản phẩm sau khi đạt chất lượng đều có kho chứa riêng biệt tách rời với bán sản phẩm để phục vụ cho việc quản lý chất lượng trong khi giao hàng.
- Tất cả các thiết bị, dụng cụ đo lường làm phương tiện bán hàng đều được kiểm định bởi các cơ quan chức năng theo quy định của Nhà nước.
- Các thiết bị phục vụ trong quá trình sản xuất được định kỳ hiệu chuẩn nội bộ.
- 100% sản phẩm của Công ty được công bố tiêu chuẩn chất lượng, hàng hóa và đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước theo qui định hiện hành.
- Trong quá trình kiểm tra và thử nghiệm phục vụ cho sản xuất đều có hồ sơ lưu trữ, mẫu bán hàng được lưu theo quy định của từng sản phẩm.

Hàng năm Công ty soát xét tất cả các quá trình kiểm tra và thử nghiệm, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho người làm việc, khuyến khích sáng kiến cải tiến, tiết kiệm, hợp lý hóa trong công việc.

1.7 Hoạt động Marketing

Hiện tại Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty cùng với Phòng Kinh doanh tại các đơn vị thành viên đảm nhận công việc marketing. Với đặc thù khách hàng chủ yếu là các ngành công nghiệp như: thực phẩm, dược phẩm, xử lý nước sinh hoạt, xử lý nước thải, giấy, dệt nhuộm, chất tẩy rửa, sành sứ, điện tử, xi mạ, xây dựng, nhiệt điện, dầu khí . . . nên hoạt động marketing gắn bó trực tiếp với các ngành công nghiệp.

Công ty đã xây dựng được mối quan hệ gắn bó và bền vững với các khách hàng, chủ trương xây dựng hình ảnh thân thiện của thương hiệu “HCCB” gắn liền với các sản phẩm chất lượng và bảo vệ môi trường.

Bên cạnh sự ổn định về chất lượng và giá thành sản phẩm hợp lý, Công ty thường xuyên cử cán bộ, nhân viên trong Công ty tham gia các khóa đào tạo về tìm hiểu, phân tích và thực hiện chiến lược phát triển thương hiệu, nâng cao tinh thần và thái độ phục vụ tận tình với khách hàng.

Chính sách giá bán ổn định luôn được Công ty chú trọng, đồng thời thực hiện việc hỗ trợ chi phí quảng cáo và hoa hồng đối với các khách hàng lớn. Trong trường hợp có biến động lớn về chi phí nguyên liệu đầu vào làm tăng giá thành sản xuất, HCCB cũng sẽ có sự điều chỉnh giá bán theo từng bước, tránh việc điều chỉnh giá bán đột biến gây sự xáo trộn trong sản xuất đối với các khách hàng.

Công ty thường xuyên thu thập và cập nhật thông tin về kinh tế, khoa học kỹ thuật, thông tin về thị trường, về nhu cầu của khách hàng và các đối thủ cạnh tranh để tổng hợp, phân tích cơ hội và rủi ro, nhận dạng khách hàng tiềm năng cũng như có các giải pháp phòng ngừa.

Bên cạnh đó, Công ty cũng liên tục cập nhật các thông tin trên website của Công ty và thực hiện việc tiếp thị hình ảnh, sản phẩm của Công ty qua các tạp chí và tờ báo có uy tín nhằm tăng cường quảng bá thương hiệu.

1.8 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại, HCCB đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu thương mại và đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho hàng hóa, sản phẩm của Công ty.



1.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

HCCB đã ký Hợp đồng với các đối tác lớn có giá trị hợp đồng của năm 2013 như sau:

STT	Khách hàng	Số lượng ước tính năm 2013 (tấn)	Giá trị ước tính năm 2013 (đồng)
I	CTY TNHH HÓA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG AUREOLE MITANI		42.491.544.000
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	3.069	
2	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 35%)	168	
3	AXÍT SUNFURIC TINH KHIẾT (PA)	346	
4	AXÍT SUNFURIC 50% TINH KHIẾT	33	
5	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	151	
6	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 36%	66	
7	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	7.229	
8	NATRI HYDROXIT (NaOH 50%)	145	
II	CÔNG TY TNHH PROCTER & GAMBLE ĐÔNG DƯƠNG		34.600.320.000
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	159	
2	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	34	
3	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 36%	1.169	
4	NATRI SILICATE R2.3	5.369	
5	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	3.169	
6	NATRI HYDROXIT (NaOH 50%)	1	
III	CÔNG TY TNHH ULHWA VIETNAM		26.703.360.000
1	NATRI HYDROXIT (NaOH 50%)	4.451	
IV	CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM	8.234	112.440.500.000
1	MUỐI CÔ CHÂN KHÔNG (P)	2.982	
2	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	5.252	
3	AXÍT SUNFURIC (H ₂ SO ₄ 98%)	28.000	
V	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ UNILEVER VIỆT NAM		20.875.560.000
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	6	
2	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	337	
3	MAGIE SUNPHAT	324	

STT	Khách hàng	Số lượng ước tính năm 2013 (tấn)	Giá trị ước tính năm 2013 (đồng)
4	MUỐI CÔ CHÂN KHÔNG (S)	960	
5	NATRI SILICATE M2.7	3.218	
6	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	984	
VI	CN TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV – NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP		18.822.600.000
1	CLO LỎNG	842	
2	POLY ALUMINIUM CHLORIDE 10% (P.A.C)	2.792	
VII	CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3		16.130.952.000
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	87	
2	CLO LỎNG	1.228	
3	NATRI HYDROXIT (NaOH 45%)	130	
VIII	CN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TNHH MTV - NHÀ MÁY NƯỚC THỦ ĐỨC		15.307.560.000
1	CLO LỎNG	518	
2	POLY ALUMINIUM CHLORIDE 10% (P.A.C)	2.960	
IX	CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET		10.245.336.000
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	5	
2	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	69	
3	MAGIE SUNPHAT	78	
4	NATRI SILICATE M2.7	1.930	
5	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	761	
X	CN TỔNG CTY CP BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN CỦ CHI		7.711.632.000
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	193	
2	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	175	
3	NATRI HYDROXIT (NaOH 45%)	1.265	
XI	CÔNG TY CỔ PHẦN B.O.O NƯỚC THỦ ĐỨC		6.847.128.000
1	CLO LỎNG	273	

STT	Khách hàng	Số lượng ước tính năm 2013 (tấn)	Giá trị ước tính năm 2013 (đồng)
2	POLY ALUMINIUM CHLORIDE 10% (P.A.C)	998	
3	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	116	
XII	CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT VÀ THIẾT BỊ THIÊN PHÚ		6.131.040.000
1	AXÍT SULFURIC KỸ THUẬT (H ₂ SO ₄ 60%)	87	
2	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	58	
3	AXÍT SUNFURIC TINH KHIẾT (PA)	68	
4	CLO LỎNG	4	
5	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	27	
6	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 36%	663	
7	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 38%	47	
8	POLY ALUMINIUM CHLORIDE 10% (P.A.C)	84	
9	NATRI SILICATE M2.7	91	
10	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	49	
11	NATRI HYDROXIT (NaOH 45%)	40	
12	NATRI HYDROXIT (NaOH 50%)	292	
XIII	CÔNG TY TNHH CHINWELL FASTENERS (VN)		6.171.408.000
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	1.819	
2	NATRI HYDROXIT (NaOH 45%)	335	
XIV	CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT TIẾN		5.314.848.000
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	1.438	
2	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	466	
XV	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM VIỆT HƯNG		4.819.500.000
1	MUỐI CÔ CHÂN KHÔNG (P)	1.530	
XVI	CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA VIỆT NAM		4.879.488.000
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	59	
2	AXÍT SUNFURIC TINH KHIẾT (PA)	1	

CÔNG TY TNHH MTV HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

STT	Khách hàng	Số lượng ước tính năm 2013 (tấn)	Giá trị ước tính năm 2013 (đồng)
3	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	1.181	
XVII	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NHẬT NHẬT NAM		5.023.680.000
1	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	1.256	
XVIII	CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ TP.HCM		4.329.984.000
1	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 120 g/l)	1.482	
2	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	45	
XIX	CÔNG TY TNHH TRANG BÌNH		4.990.200.000
1	AXÍT CLOHYDRIC (HCl 32%)	423	
2	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 100 g/l)	170	
3	NATRI HYPOCLORIT (JAVEL 120 g/l)	334	
4	DUNG DỊCH SẮT (III) CLORUA 36%	509	
5	NATRI SILICATE M2.7	180	
6	NATRI HYDROXIT (NaOH 32%)	34	
7	NATRI HYDROXIT (NaOH 50%)	42	
XX	CÔNG TY PRIME		9.150.000.000
1	HYDROXYT NHÔM	1.500	
XXI	CÔNG TY TNHH MTV DAP		19.200.000.000
1	AXÍT SUNFURIC (H ₂ SO ₄ 98%)	8.000	
XXII	XÍ NGHIỆP NPK HẢI DƯƠNG		9.150.000.000
1	HYDROXYT NHÔM	1.500	
XXIII	CÔNG TY WUYNHTAI		37.200.000.000
1	AXÍT SUNFURIC (H ₂ SO ₄ 98%)	12.000	
XXIV	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM		11.500.000.000
1	AXÍT SUNFURIC (H ₂ SO ₄ 98%)	5.000	
	TỔNG CỘNG:		440.036.640.000

Nguồn: HCCB

2. Vị thế của Công ty trong ngành

2.1 *Vị thế của Công ty trong ngành*

Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam. Sản phẩm hoá chất của Công ty là nguyên liệu sản xuất của các ngành sản xuất khác trong nền kinh tế quốc dân. Thị trường đầu ra của Công ty hiện nay đang tập trung đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp như: thực phẩm, dược phẩm, xử lý nước sinh hoạt, xử lý nước thải, sản xuất giấy, dệt nhuộm, nhiệt điện, dầu khí...

Trong vài năm trở lại đây, cùng với xu thế hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, ngành hóa chất có thêm nhiều doanh nghiệp được thành lập, điều này làm tăng sự khốc liệt của việc cạnh tranh trên thị trường, nhưng với vị thế của một công ty lớn, sản phẩm chất lượng tốt, giá thành sản phẩm hợp lý nên Công ty vẫn gia tăng được thị phần sản phẩm và được khách hàng tin nhiệm cao.

Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam có bề dày hoạt động đáng kể với hơn 37 năm tồn tại và phát triển, luôn được các đối tác quan tâm, tin tưởng khi có nhu cầu hợp tác. Các dây chuyền sản xuất của Công ty đều được đầu tư với công nghệ tiên tiến, đảm bảo chất lượng sản phẩm và môi trường sinh thái. Sản lượng sản phẩm của Công ty tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên đến các tỉnh Miền Tây Nam Bộ và TP.Hồ Chí Minh với thị phần các sản phẩm hóa chất cơ bản của Công ty như: NaOH lỏng chiếm khoảng 25%, HCl chiếm khoảng 50%, Silicat chiếm 30%, PAC chiếm 20%, H₂SO₄ chiếm 50%, Al(OH)₃ chiếm 30%, H₃PO₄ chiếm 25% và hiện nay Công ty đang từng bước mở rộng thị phần ra các nước trong khu vực.

Các đối thủ cạnh tranh hiện nay của Công ty tại thị trường phía Nam: Công ty Vedan VN gồm các sản phẩm NaOH chiếm 35% thị phần, HCl chiếm 40% thị phần, Công ty cổ phần Hóa chất Việt Trì (sản phẩm HCl chiếm 10% thị phần), Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang (H₃PO₄) chiếm 30% thị phần, Công ty TNHH Bắc Giai (PAC) chiếm khoảng 10% thị phần, Công ty Lau Tan Luas (PAC) chiếm khoảng 20% thị phần, Công ty TNHH Việt Hương (Silicate) chiếm khoảng 45% thị phần, Công ty Vạn Lợi (Silicat) chiếm 25% thị phần, Tổ hợp Bôxít – Nhôm Tân Rai – Lâm Đồng (Hydroxyt nhôm – Al(OH)₃) chiếm 80% thị phần.

▪ **Điểm mạnh**

- HCCB là một thành viên của Tập đoàn hóa chất Việt Nam nên công ty được sự hỗ trợ tích cực từ phía Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về mọi mặt để công ty phát triển. Với nhiều năm hoạt động trong ngành, HCCB đã xây dựng được thương hiệu với khách hàng bằng uy tín và chất lượng sản phẩm.

- Đây chuyển công nghệ liên tục được đầu tư cải tiến nhằm nâng cao quy mô và hiệu quả sản xuất của Công ty. Chất lượng sản phẩm của Công ty ngày càng được nâng cao và luôn luôn đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sản xuất ra theo tiêu chuẩn tự công bố và đáp ứng được yêu cầu ngày một cao của thị trường. Bên cạnh công tác đầu tư công tác bảo đảm an toàn trong sản xuất và bảo vệ môi trường được thực hiện xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển của Công ty và luôn được toàn thể Công ty đặt ra là nhiệm vụ trọng tâm, luôn được củng cố, duy trì ngày một tốt hơn.
- HCCB có được một lực lượng công nhân có tay nghề chất lượng cao, kinh nghiệm lâu năm và yêu nghề.
- HCCB có một lượng khách hàng truyền thống là đối tác chiến lược, luôn luôn đảm bảo đơn hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Điểm yếu:**
 - Nguồn vốn đầu tư phát triển cho lĩnh vực hóa chất cơ bản là rất lớn, điều đó là một khó khăn trong việc huy động vốn phục vụ đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty. Đây cũng là đặc thù chung của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hóa chất.
 - Quy mô sản xuất và công nghệ chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường đầy tiềm năng.
- **Cơ hội:**
 - Lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam trong thời gian tới.
 - Mô hình Công ty cổ phần mà Công ty sắp chuyển sang sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động không ngừng của tình hình kinh tế, xã hội.
 - Bên cạnh đó, với lợi thế là Công ty cổ phần, HCCB sẽ có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc huy động vốn khi có các dự án đầu tư hiệu quả với thời gian huy động nhanh đặc biệt là khi thị trường Chứng khoán ở Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển như hiện nay.
- **Thách thức:**
 - Cũng như các Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần khác,

HCCB đã được thành lập và hoạt động dưới chế độ quốc hữu khá lâu, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc sát sao vào Nhà nước. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Công ty sau cổ phần hoá .

- Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất trong ngành vẫn đang diễn ra gay gắt. Chính vì vậy, việc giữ vững hoạt động kinh doanh cho Công ty đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Công ty và có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả.

2.2 Triển vọng ngành

Các sản phẩm hoá chất cơ bản phục vụ hầu hết cho các ngành kinh tế trong nước, đặc biệt là các ngành công nghiệp. Chính vì vậy nhu cầu đối với ngành hóa chất cũng sẽ phụ thuộc vào sự phát triển nền kinh tế nói chung và tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp nói riêng.

Nền kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu ổn định sau thời kỳ bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế thế giới. GDP sáu tháng đầu năm 2013 ước tính tăng 4,90% so với cùng kỳ năm 2012 nhưng quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 4,76%, quý II tăng 5%) trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,18%. Tuy tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm thấp hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng là kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh kinh tế khu vực và thế giới tăng trưởng chậm so với năm 2012. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2013 cũng khá tích cực, ước tính tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó chỉ số sản xuất của ngành sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 11,1% so với cùng kỳ. Chỉ số giá tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2013 tăng 6,73% so với bình quân cùng kỳ năm 2012. Dưới sự điều hành của Ngân hàng Nhà nước, các chỉ tiêu lạm phát, tỷ giá, lãi suất đã từng bước về mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Nền kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực sau thời kỳ bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế thế giới. Nền kinh tế tăng trưởng trở lại sẽ luôn đi cùng với sự phát triển các ngành sản xuất, là nơi tiêu thụ nhiều nhất sản phẩm thuộc nhóm ngành hóa chất cơ bản... Đây sẽ là cơ hội cho các công ty hóa chất nói chung và HCCB nói riêng .

Nhìn chung, đây là ngành kinh doanh có nhiều triển vọng trong những năm tới và phù hợp định hướng phát triển của Nhà nước. Từ năm 2005 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 207/2005/QĐ-TTg ngày 18/08/2005 về việc Phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2010 (có tính đến năm 2020) với nhiều định hướng phát triển sản phẩm hóa chất cơ bản.

2.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Định hướng của HCCB trong thời gian tới là tiếp tục phát triển hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản xuất hóa chất cơ bản. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, cũng như chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của Việt Nam.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn 03 năm trước khi cổ phần hóa luôn bảo toàn và phát triển vốn nhà nước giao, hoạt động kinh doanh năm 2010, 2011 và năm 2012 đều có lợi nhuận. Số liệu chi tiết được tóm tắt ở bảng sau:

Một số chỉ tiêu chủ yếu 03 năm trước Cổ phần hoá

Đơn vị tính: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng tài sản	815.894.646.262	837.056.314.781	832.494.246.179
2	Vốn Chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi)	291.688.948.321	313.862.173.643	307.990.042.449
3	Nợ phải trả	524.205.697.941	523.194.141.138	524.504.203.730
3.1	Nợ ngắn hạn	413.862.554.629	447.425.089.675	484.559.973.999
3.2	Nợ dài hạn	110.343.143.312	75.769.051.463	39.944.229.731
4	Nợ phải thu	187.405.232.510	119.052.530.944	82.678.470.088
5	Tổng số lao động (người)	920	833	806
6	Tổng quỹ lương	90.985.000.000	118.788.000.000	124.782.000.000
7	Lương bình quân của người lao động/tháng	6.470.000	8.000.000	8.510.000
8	Doanh thu thuần	913.102.776.681	1.168.830.711.766	1.110.535.376.785
10	Tổng chi phí	862.751.168.233	1.139.895.444.512	1.064.903.386.758
11	Lợi nhuận trước thuế	54.555.209.591	47.492.860.360	75.533.518.800
12	Lợi nhuận sau thuế	40.572.920.193	39.047.522.067	58.921.204.864
13	Các khoản đã nộp ngân sách trong năm	81.761.445.787	107.624.991.446	123.560.127.430
14	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn Chủ sở hữu	13,91%	12,44%	19,13%

Nguồn: HCCB

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu trong năm 2012 khá cao, đạt 19,13%. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2011 giảm do vốn chủ sở hữu trong năm tăng đột biến 10,72% so với năm 2010. Hoạt động kinh doanh của Công ty khá hiệu quả và có tình hình tài chính lành mạnh.

4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

Trong quá trình hoạt động, HCCB chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị như sau:

▪ ***Khó khăn***

- Chịu sự ảnh hưởng của suy giảm kinh tế, năm 2012 nhiều doanh nghiệp phải dừng hoạt động, giải thể hoặc thu hẹp sản xuất, từ đó thị trường tiêu thụ sản phẩm của HCCB bị ảnh hưởng. Việc cân bằng sản xuất sản phẩm Xút-Clo trong dây chuyền điện phân luôn bị áp lực bởi yếu tố thị trường.
- Sản phẩm axit phosphoric và gốc phốt phát của Nhà máy hoá chất Đồng Nai cạnh tranh với sản phẩm của Trung Quốc và Hàn Quốc.
- Sản phẩm hydroxyt nhôm của chi nhánh Công ty tại Tân Bình, cạnh tranh bởi sản phẩm từ Tổ hợp Bô xít nhôm Tân Rai.
- Công ty chỉ được cấp hạn ngạch muối công nghiệp hạn chế. Do vậy, Công ty phải nhập khẩu muối công nghiệp ngoài hạn ngạch với số lượng lớn và thuế suất cao để duy trì sản xuất, từ đó làm cho giá thành các sản phẩm tăng, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Ngành sản xuất hoá chất rất nhạy cảm với vấn đề môi trường, vì vậy Công ty phải đầu tư khá lớn cho việc xử lý môi trường.

▪ ***Thuận lợi***

- Công ty là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản lớn nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam, với đội ngũ kỹ sư có trình độ, kinh nghiệm và lực lượng công nhân lành nghề. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều năm trước cổ phần hóa đạt kết quả tương đối cao, sẽ là cơ sở thuận lợi cho hoạt động của công ty cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa.

- Công ty có một hệ thống, mạng lưới khách hàng truyền thống, trong đó có nhiều doanh nghiệp trong Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam, điều này cũng là một thuận lợi đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty với truyền thống đoàn kết gắn bó, tập thể CBCNV Công ty luôn sát cánh cùng Ban lãnh đạo duy trì ổn định sản xuất, tìm cách giảm định mức tiêu hao nguyên liệu, giảm giá thành sản phẩm, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng nhằm giữ vững thị phần, tìm kiếm khách hàng mới. Chính nhờ vậy sản phẩm của Công ty luôn được các khách hàng quan tâm ủng hộ do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn có sự tăng trưởng đều đặn qua các năm.
- Dây chuyền công nghệ sản xuất liên tục được Công ty đầu tư cải tiến, đảm bảo hoạt động ổn định, vừa tối đa hiệu quả kinh tế cho Công ty vừa đảm bảo môi trường sinh thái. Một số dây chuyền sản xuất sản phẩm chính của Công ty sử dụng công nghệ tiên tiến nhất thế giới hiện nay của G7.
- Mọi quan hệ với các tổ chức tín dụng tốt, thanh toán nợ vay đúng hạn nên luôn được các ngân hàng hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên luôn được Công ty quan tâm lập kế hoạch một cách chi tiết cụ thể để thực hiện vào thời điểm phù hợp nên các dây chuyền sản xuất hoạt động rất ổn định, chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo, tạo được uy tín cao đối với các khách hàng.
- Công tác chăm lo đời sống và việc làm của người lao động luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm đặt lên hàng đầu, tương xứng với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhờ vậy tập thể CBCNV trong Công ty luôn tập trung hoàn thành mọi công việc được giao đồng thời đóng góp những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty kể cả trong những lúc tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn nhất.

PHẦN V:
PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN,
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
SAU CỔ PHẦN HÓA

I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**
- Tên viết tắt tiếng Việt : **HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**
- Tên tiếng Anh : **SOUTH BASIC CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt tiếng Anh : **SBCC**
- Trụ sở chính : Số 22 Lý Tự Trọng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại : (08) 3829 6620 – 3822 5373 Fax: (08) 3824 3166
- Website : www.sochemvn.com

II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

▪ **Vốn điều lệ**

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam được xác định như sau:

- Vốn điều lệ Công ty cổ phần : 442.000.000.000 đồng
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 44.200.000 cổ phần

Cơ cấu sở hữu cổ phần trong tổng vốn điều lệ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	28.730.000	287.300.000.000	65%
2	Cổ đông CBCNV mua ưu đãi	1.262.600	12.626.000.000	2,86%
2.1	- Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	1.262.600	12.626.000.000	2,86%
2.2	- Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	-	-	-
3	Công đoàn công ty	160.000	1.600.000.000	0,36%
4	Cổ đông mua cổ phần thông qua đấu giá	14.047.400	140.474.000.000	31,78%
	Tổng cộng	44.200.000	442.000.000.000	100%

2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

2.2 Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh, gia công hóa chất cơ bản, phân bón chi tiết: sản xuất sản phẩm ngành hóa chất, phân bón (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh).
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, sản phẩm ngành hóa chất, phân bón (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh).
- Khai khoáng chưa được phân vào đâu, chi tiết: khai thác và chế biến khoáng sản Bauxite (không chế biến tại trụ sở).
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác.

2.3 Ngành nghề kinh doanh có liên quan

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: lắp đặt thiết bị chuyên dụng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).
- Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất; gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dụng, đường ống công nghệ và đường ống

dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất.

3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Mô hình tổ chức của HCCB dự kiến khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (dự kiến 05 người) và Ban kiểm soát (dự kiến 03 người); Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Tổng giám đốc.

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam có trụ sở chính đặt tại TP.HCM, 01 chi nhánh, 03 Nhà máy, 01 Mỏ Bô xít ở Bảo Lộc và 1 công ty con, chi tiết như sau:

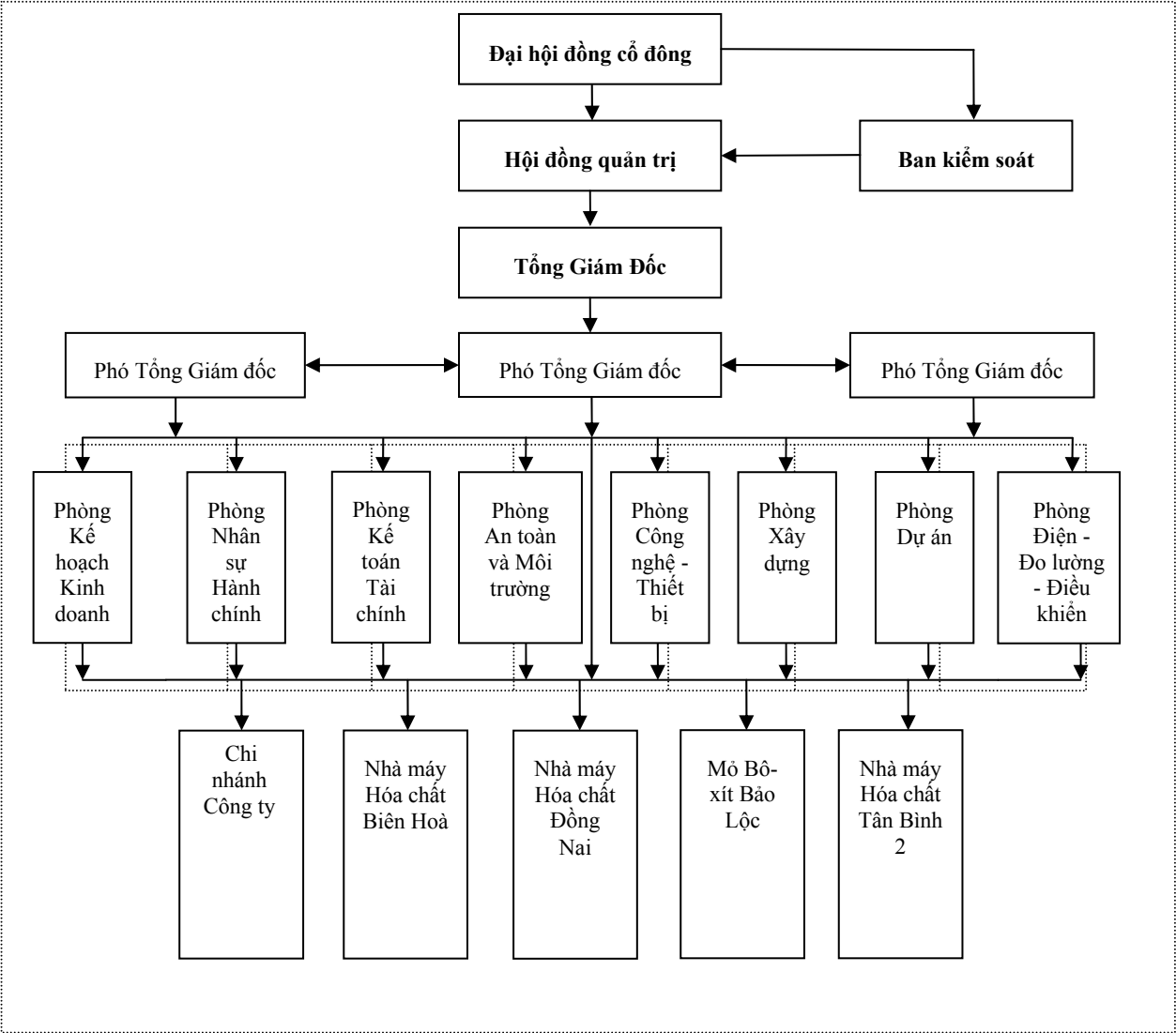
- | | |
|--|---------------------------------------|
| – Văn phòng Công ty | 22 Lý Tự Trọng, Q.1, TP.HCM |
| – Chi nhánh Công ty | 46/6 Phan Huy Ích, Q.Tân Bình, TP.HCM |
| – Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 | Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai |
| – Nhà máy Hóa chất Biên Hòa | Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai |
| – Nhà máy Hóa chất Đồng Nai | Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai |
| – Mỏ Bauxit Bảo Lộc | 62 Lý Thường Kiệt, Bảo Lộc, Lâm Đồng |
| – Công ty con (Công ty Cổ phần Phốt
Pho Việt Nam) | Cụm CN Tăng Loong, Bảo Thắng, Lào Cai |

Các phòng ban của công ty cổ phần được phân chia thành 08 phòng chức năng bao gồm:

- Phòng Kế hoạch Kinh doanh
- Phòng Nhân sự Hành chính
- Phòng Kế toán Tài chính
- Phòng An toàn và Môi trường
- Phòng Công nghệ Thiết bị
- Phòng Xây dựng
- Phòng Dự án
- Phòng Điện – Đo lường - Điều khiển.

(Sơ đồ tổ chức công ty cổ phần xem trang sau)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



4. Chiến lược phát triển sau cổ phần hóa

Với những thế mạnh hiện có của HCCB, kết hợp với những thông tin, dự báo về nhu cầu thị trường trong tương lai, HCCB có những định hướng cho phát triển sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa như sau:

4.1 Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Mục tiêu quan trọng nhất: Trong tình hình kinh tế đất nước chưa thoát khỏi suy thoái, toàn Công ty phải giữ vững ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn liền với an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế phù hợp. Duy trì hoạt động ổn định của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, rà soát và điều chỉnh lại (nếu có) hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững với các đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi để cùng nhau phát triển.
- Chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh của từng đơn vị thành viên trong công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên tạo thành một khối liên kết mạnh mẽ, xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh.
- Ổn định tổ chức quản lý theo mô hình Công ty cổ phần, xây dựng Quy chế quản trị mới theo mô hình công ty cổ phần.
- Tập trung hoàn thiện và ổn định các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tiến hành nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.
- Song song với công tác phát triển thị trường, Công ty cũng không ngừng tăng cường công tác quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng, bảo đảm tính chủ động, tích cực trong công việc bán hàng tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đồng thời quản lý công nợ bán hàng, xác định thời hạn thanh toán hợp lý, tăng nhanh vòng quay của vốn, an toàn vốn trong sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn lao động, đảm bảo sản xuất an toàn trong khi sản xuất ở dòng điện cao.

4.2 Về đầu tư phát triển

- Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty và các đơn vị thành viên sau cổ phần hoá: tập trung đầu tư để hoàn thiện nhằm giữ ổn định, từng bước nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kho bãi... để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Tích cực tìm kiếm những địa điểm mới để chuẩn bị công tác di dời toàn bộ 3 nhà máy ra khỏi KCN Biên Hoà I theo lộ trình chung.
- Luôn chuẩn bị sẵn những phương án, dự án đầu tư phát triển để có thể triển khai ngay khi điều kiện cho phép.
- Tại các đơn vị thành viên: tập trung đầu tư mua sắm các trang thiết bị và công nghệ hiện đại để hoàn thiện và nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường, tiếp tục đẩy mạnh sự phối hợp giữa các đơn vị thành viên với văn phòng công ty để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4.3 Về hoạt động tài chính

- Giữ vững quan hệ và uy tín với các ngân hàng, tổ chức tín dụng đã có quan hệ lâu năm.
- Cơ cấu lại các chỉ tiêu tài chính nhằm giảm thiểu chi phí và tối đa hóa lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao vòng quay vốn trong kinh doanh, giảm các khoản nợ của khách hàng. Sử dụng triệt để lợi thế về nguồn lực tài chính.

4.4 Về tổ chức bộ máy và chính sách dành cho CBCNV

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo mô hình công ty cổ phần phù hợp với quy mô hoạt động và chức năng của Công ty.
- Kiện toàn bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn cùng với việc đào tạo, nâng cao trình độ cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Xây dựng đào tạo nguồn nhân lực trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cao, năng động sáng tạo, tận tâm với công việc để từng bước kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm.
- Cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích người lao động làm việc, tăng hiệu suất và chất lượng công việc, thu hút chất xám cho Công ty.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, hiệu quả công việc, khuyến khích tinh thần chủ động và sáng tạo của mỗi cá nhân trong Công ty.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 và các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2016 với các chỉ tiêu như sau:

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	442.000	442.000	442.000

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.194.387	1.252.789	1.314.111
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.110.603	1.166.133	1.224.439
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	83.784	86.656	89.671
5	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tr.đồng	70.412	72.652	76.337
6	LNST/Vốn điều lệ	%	15,93%	16,44%	17,27%
7	Tỷ lệ cổ tức chi trả	%	13%	13%	14%
8	Tổng số lao động dự kiến	Người	746	800	800
9	Lương bình quân (đồng/người/tháng)	Tr.đồng	9,38	9,85	9,85

Nguồn: HCCB

Ghi chú: Các số liệu về kế hoạch Doanh thu, lợi nhuận là được dự kiến riêng cho Công ty, chưa dự kiến số liệu hợp nhất

Cơ sở cho việc lập kế hoạch kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa như sau:

- Vốn điều lệ của doanh nghiệp dự kiến sẽ không thay đổi trong 3 năm đầu sau khi đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, do đã phù hợp với quy mô hiện tại của Công ty.
- Tỷ lệ cổ tức các năm phù hợp với lợi nhuận của công ty và tương đối cao so với mặt bằng chung hiện nay.

6. Biện pháp thực hiện

❖ Về tổ chức, quản lý:

- Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần nhằm khai thác triệt để các chức năng ngành nghề hiện có, xem xét bỏ đi các chức năng ngành nghề không còn phù hợp, đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo của Công ty.
- Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc. Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của CBCNV trong Công ty, thực hiện đúng cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.
- Thực hiện quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty tập trung về bộ máy điều hành. Xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và liên hệ qua mạng điện tử). Khai thác triệt để mạng internet, sử dụng email để liên lạc, giao tiếp. Tuyển dụng nhân viên giỏi về lĩnh vực công nghệ thông tin để tái cấu trúc trang web hiện hữu, đảm trách quản lý trang web để ứng dụng thương mại điện tử vào kinh doanh.
- Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán ...
- Thực hiện nâng cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng và liên tục cải tiến để hoàn thiện hệ thống quản lý.

❖ **Giải pháp giảm chi phí:**

- Đẩy mạnh phong trào tiết kiệm, chống lãng phí. Tiết kiệm tối đa chi phí nhằm tăng lợi nhuận.
- Tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích. Giảm tối đa chi phí hội họp, đi công tác trong và ngoài nước, chi phí tiếp khách, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quảng cáo, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu ... góp phần giảm chi phí sản xuất. Khuyến khích CBCNV thực hiện tốt Quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Tổ chức hạch toán phù hợp nhằm xây dựng các dữ liệu thống kê các chỉ tiêu kinh tế - tài chính và cân đối đồng bộ thu chi nhằm phát huy tối đa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

III. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

- Đối tượng mua cổ phần bao gồm CBCNV của Công ty, tổ chức Công đoàn, các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua đấu giá (theo Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).
- Cổ phần phát hành cho CBCNV được phân phối theo danh sách được duyệt.
- Cổ phần phát hành cho các nhà đầu tư khác được phân phối thông qua hình thức đấu giá công khai.

2. Phương thức chào bán

2.1 Cổ phần người lao động được mua ưu đãi

a. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”, theo đó:

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố Quyết định xác định giá trị doanh nghiệp: 787 người
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi tại thời điểm công bố Quyết định xác định giá trị doanh nghiệp: 718 người
- Tổng số năm công tác: 12.626 năm
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi : 1.262.600 cổ phần, chiếm 2,86% vốn điều lệ.

b. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

HCCB không có CBCNV nào đăng ký mua theo quy định của hình thức này.

2.2 Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì “*Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được Đại hội cán bộ, công nhân viên chức tại doanh nghiệp cổ phần hóa ủy quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động. Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này*”.

Tổ chức Công đoàn Công ty đăng ký tham gia mua cổ phần với số lượng là **160.000 cổ phần** với tổng mệnh giá là 1.600.000.000 đồng, **chiếm 0,36% vốn điều lệ** công ty cổ phần từ nguồn quỹ Công đoàn.

2.3 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Không có nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần.

2.4 Cổ phần bán đấu giá công khai ra bên ngoài

- Tổng số cổ phần thực hiện bán đấu giá công khai ra bên ngoài là **14.047.400 cổ phần**, chiếm **31,78% vốn điều lệ**.
- Giá khởi điểm là **10.500 đồng /cổ phần**.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.
- Chi tiết cụ thể nguyên tắc đấu giá mua cổ phần nhà đầu tư vui lòng xem tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam” được công bố công khai cho các nhà đầu tư.

3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với nhà đầu tư mua thông qua đấu giá: theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.
- Đối với cán bộ công nhân viên và tổ chức Công đoàn: Sau khi tổ chức bán đấu giá ra bên ngoài và xác định giá đấu thành công.

IV. LOẠI CỔ PHẦN

Tất cả cổ phần của HCCB tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.

Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

V. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA

Số tiền thu được từ việc bán bớt phần vốn Nhà nước, sau khi trừ đi các khoản chi phí thực hiện cổ phần hóa, sẽ được chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty được để lại số tiền tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá¹. Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Chương II Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

VI. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất là nguyên liệu đầu vào của nhiều ngành công nghiệp, có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những năm vừa qua nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Tốc độ tăng trưởng năm 2012 chỉ đạt mức 5,03%. Với tốc độ tăng trưởng này thì các chuyên gia về dự báo kinh tế cho biết mục tiêu 6,5- 7% như kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015 sẽ khó đạt.

Từ năm 2008 đến nay, tỷ lệ lạm phát trong nền kinh tế tăng cao. Giá cả các nguyên vật liệu chủ yếu đều tăng với tỷ lệ lớn đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đẩy giá thành các sản phẩm chính của Công ty tăng lên so với trước đây. Tuy nhiên, mặt hàng hóa chất không phải là một trong những mặt hàng thiết yếu nên không chịu sức ép điều tiết giá của Chính phủ. Hàng năm, Công ty thường xuyên có điều chỉnh giá, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối ổn định, nên phần nào hạn chế được rủi ro này.

Sau một loạt các chính sách vĩ mô được đưa ra nhằm điều tiết nền kinh tế, nền kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực. Khi nền kinh tế dần phục hồi và ổn định sẽ là tiền đề phát triển cho Công ty trong giai đoạn đầu kể từ khi chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần.

¹ Việc phát hành thêm cổ phần của HCCB chỉ để làm tròn số giá trị phần vốn Nhà nước khi xây dựng vốn điều lệ.

2. Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của HCCB cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của HCCB.

Xét ở khía cạnh doanh nghiệp, với HCCB, là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang loại hình công ty cổ phần, Công ty sẽ gặp một số trở ngại nhất định từ việc chuyển đổi này. Tuy nhiên, do đã có quá trình hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cũng cùng chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp như Công ty cổ phần, nên HCCB sẽ có thuận lợi hơn trong thích ứng với sự chuyển đổi loại hình công ty này. Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, HCCB sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro ô nhiễm môi trường

Đặc thù của ngành sản xuất hóa chất là có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao và nếu xảy ra thì hậu quả rất nghiêm trọng. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hóa chất nên các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn của Nhà nước. Do đó, Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm và kiểm tra chất thải nhằm đảm bảo theo đúng quy chuẩn môi trường của Nhà nước. Công ty cũng liên tục cải tiến các dây chuyền nhằm tăng năng suất và hạn chế, giảm bớt các thành phần độc hại trong chất thải.

Rủi ro giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào

Chi phí nguyên vật liệu, năng lượng chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất nên biến động của giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán và ảnh hưởng đến khả năng tạo lợi nhuận của Công ty. Một phần nguyên liệu của Công ty được cung cấp từ các nguồn nhập khẩu, nên sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá ngoại tệ. Tuy nhiên, các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty đều là các đối tác truyền thống, có năng lực, có uy tín trên thị trường nên Công ty vẫn ổn định được nguồn nguyên liệu cho sản xuất và giảm thiểu được những rủi ro đầu vào.

Thị trường đầu ra

Thị trường đầu ra của Công ty chủ yếu là khu vực TP.HCM, miền trung, Tây nguyên trở vào các tỉnh miền Tây. Mặc dù nhu cầu của thị trường trong nước còn rất tiềm năng nhưng sự cạnh tranh cũng rất lớn đến từ sản phẩm cùng loại từ các công ty sản xuất trong nước và sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới,

thị trường Việt Nam ngày càng được mở cửa rộng rãi, sự cạnh tranh sẽ càng trở nên khốc liệt hơn. Ngoài ra, một số công ty lớn trong ngành giấy và may mặc cũng đầu tư sản xuất để tự cung cấp nhu cầu hóa chất. Mặc dù vậy, sản phẩm của Công ty hiện nay chủ yếu vẫn là tư liệu sản xuất của các ngành sản xuất khác nên nhu cầu tiêu thụ tương đối ổn định. Hiện tại Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro này thông qua việc đa dạng hóa hệ thống khách hàng, xây dựng quan hệ bạn hàng bền vững và không ngừng vươn ra các thị trường mới.

Rủi ro tài chính

Công ty thường xuyên phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình lãi suất trong các năm gần đây cũng có nhiều biến động bất thường. Trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty đang từng bước giảm thiểu rủi ro này thông qua các biện pháp nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động, tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ tồn kho, cân đối hoạt động sản xuất và tiêu thụ...

4. Rủi ro khác

Hiện nay, 03 nhà máy lớn của Công ty gồm Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 đều nằm trong KCN Biên Hòa I. UBND Tỉnh Đồng Nai đang có chủ trương về việc di dời các Doanh nghiệp tại Khu Công nghiệp và chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa I thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ. Trước tình hình trên, Công ty đã chủ động tìm kiếm địa điểm phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, việc di dời KCN Biên Hòa I liên quan đến khoảng 100 doanh nghiệp với 26.000 lao động đang làm việc, là dự án tầm quốc gia vì có ảnh hưởng đến sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và khu vực Đông Nam Bộ; Hiện tại, Ủy ban Khoa học- Công nghệ - Môi trường đang có kiến nghị với Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần xem xét việc di dời KCN Biên Hòa 1 thống nhất chủ trương cho phép thực hiện cơ chế đặc biệt của việc di dời với giải pháp và lộ trình phù hợp, giảm thiểu những tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đời sống của người lao động

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, HCCB cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

VII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**❖ Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

Ông	Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn HCVN – Trưởng ban
Ông	Nguyễn Đình Khang	Tổng Giám đốc Tập đoàn HCVN – Phó Trưởng ban
Ông	Vũ Tiến Dũng	Chủ tịch Công đoàn CN HCVN – Ủy viên
Ông	Lê Ngọc Quang	Kế toán trưởng Tập đoàn HCVN – Ủy viên
Ông	Vũ Nhất Tâm	Trưởng ban TCNS Tập đoàn HCVN – Ủy viên
Ông	Hà Thanh Sơn	Hàm trưởng ban, Ban Thư ký HĐQT Tập đoàn HCVN – Ủy viên
Ông	Phạm Văn Chương	Phó Trưởng ban TCNS Tập đoàn HCVN – Ủy viên
Ông	Lê Văn Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản Miền Nam – Ủy viên

❖ Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông	Lê Văn Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty – Tổ trưởng
Bà	Lê Thị Ngọc Diệp	Kế toán trưởng Công ty – Tổ phó
Ông	Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng Giám đốc Công ty – Tổ viên
Ông	Hoàng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc Công ty – Tổ viên
Ông	Nguyễn Hữu Thọ	Phó Tổng Giám đốc Công ty – Tổ viên
Ông	Lê Thanh Bình	Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty – Tổ viên
Ông	Đỗ Trung Hiếu	Trưởng phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty – Tổ viên
Bà	Nguyễn Thanh Bình	Đại diện công đoàn Công ty, Phó trưởng phòng NSHC Công ty – Tổ viên
Bà	Nguyễn Thị Bạch Yến	Trưởng phòng Dự án Công ty – Tổ viên
Ông	Lê Phương Đông	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 – Tổ viên
Bà	Nguyễn Thị Thanh	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Đồng Nai – Tổ viên

Ông Huỳnh Minh Trí Giám đốc Mỏ Bôxít Bảo Lộc – Tổ viên

Ông Lê Quốc Hùng Giám đốc Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam –
Tổ viên

❖ ***Đơn vị tư vấn***

Bà Trương Nguyễn Thiên Kim Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

VIII. CAM KẾT

Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các số liệu và phương án cổ phần hóa đã được duyệt của Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam. Chúng tôi cung cấp thông tin với mục đích giúp nhà đầu tư có được những nhận định đúng đắn và khách quan trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.

Chúc các nhà đầu tư tham dự buổi đấu giá thành công.

Xin trân trọng cảm ơn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày .08. tháng .08. năm 2013

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

TRƯỞNG BAN



NGUYỄN ANH DŨNG

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH
MTV HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



LÊ VĂN HÙNG